

Nghị quyết số: 09/2026/UBTVQH16

NGHỊ QUYẾT

Quy định về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 55/2019/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 141/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định quy chế lập, thẩm tra, quyết định các báo cáo Chính phủ trình Quốc hội về kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm (sau đây gọi là các báo cáo).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước.
2. Chính phủ, các cơ quan có liên quan của Chính phủ.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm đúng về thẩm quyền, rõ về nội dung, trình tự, thời gian trong quá trình lập, thẩm tra, cho ý kiến, quyết định đối với các báo cáo do Chính phủ trình Quốc hội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định tại Nghị quyết này.
2. Công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

Chương II

LẬP, THẨM TRA, XEM XÉT, CHO Ý KIẾN ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO DO CHÍNH PHỦ TRÌNH

Điều 4. Lập các báo cáo

Chính phủ lập, lập lại, xây dựng các báo cáo về kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

Điều 5. Hồ sơ các báo cáo, thời gian Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội

1. Hồ sơ kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia bao gồm:
 - a) Báo cáo của Chính phủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Mẫu biểu báo cáo từ số 01 đến số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết này;
 - b) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội;
 - c) Tài liệu khác (nếu có).
2. Hồ sơ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước bao gồm:
 - a) Báo cáo của Chính phủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Mẫu biểu báo cáo từ số 05 đến số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết này;
 - b) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội cùng với nội dung theo Mẫu biểu số 05, số 06;
 - c) Tài liệu khác (nếu có).

3. Hồ sơ dự toán ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Báo cáo của Chính phủ về dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Mẫu biểu dự toán ngân sách nhà nước từ số 09 đến số 12 về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành và Mẫu biểu từ số 13 đến số 17 về dự toán ngân sách nhà nước năm sau;

b) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước cùng các Mẫu biểu số 13, 14, 29 và 32 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Tài liệu khác (nếu có).

4. Hồ sơ phương án phân bổ ngân sách trung ương bao gồm:

a) Báo cáo của Chính phủ về phương án phân bổ ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Mẫu biểu phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm từ số 18 đến số 51;

b) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương gồm các Mẫu biểu từ số 33 đến số 37, số 38 (dùng cho năm xác định số bổ sung cân đối), số 39 (dùng cho năm không xác định số bổ sung cân đối) và số 42, số 51 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Tài liệu khác (nếu có).

5. Hồ sơ quyết toán ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Báo cáo của Chính phủ và Mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước từ số 52 đến số 70;

b) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về quyết toán ngân sách nhà nước và các Mẫu biểu số 52, 53, từ số 55 đến số 61, số 63, số 65 và số 68 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Tài liệu khác (nếu có).

6. Ngoài các nội dung, chỉ tiêu, mẫu biểu quy định tại Nghị quyết này, Chính phủ căn cứ theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu về quản lý tài chính - ngân sách nhà nước trong từng năm, từng thời kỳ bổ sung thêm các nội dung, chỉ tiêu, mẫu biểu cần thiết khác trong các báo cáo trình Quốc hội.

Hồ sơ các báo cáo Chính phủ trình cần bảo đảm quy định về công khai ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

7. Thời gian Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến, trình Quốc hội quyết định đối với các báo cáo thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

Điều 6. Về thẩm tra các báo cáo

1. Trách nhiệm thẩm tra được quy định như sau:

a) Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội chủ trì thẩm tra các báo cáo do Chính phủ trình Quốc hội quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này;

b) Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội thẩm tra các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách;

c) Kiểm toán nhà nước tham gia với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, các Ủy ban khác của Quốc hội khi các cơ quan này thẩm tra các báo cáo về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương do Chính phủ trình Quốc hội; trình ý kiến của Kiểm toán nhà nước để Quốc hội xem xét, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương.

2. Nội dung thẩm tra được quy định như sau:

Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội thực hiện thẩm tra, phối hợp thẩm tra các báo cáo do Chính phủ trình, bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan, trong đó lưu ý về thẩm quyền quyết định và điều kiện trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến và trình Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Tổ chức thẩm tra được quy định như sau:

a) Sau khi nhận được các báo cáo do Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội, tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội lựa chọn hình thức tổ chức thẩm tra phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan; gửi kết quả thẩm tra bằng văn bản đến Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;

b) Kiểm toán nhà nước tổ chức lập và gửi báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội theo quy định tại khoản 3 Điều 48 của Luật Kiểm toán nhà nước; tham gia ý kiến bằng văn bản với Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội trong thẩm tra các báo cáo về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương;

c) Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội chủ trì thẩm tra các báo cáo do Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội.

4. Báo cáo do Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội trình gồm:

- a) Báo cáo thẩm tra tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành, dự toán ngân sách nhà nước năm sau;
- b) Báo cáo thẩm tra phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau;
- c) Báo cáo thẩm tra quyết toán ngân sách nhà nước;
- d) Báo cáo thẩm tra kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia;
- đ) Báo cáo thẩm tra kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước.

5. Báo cáo do Kiểm toán nhà nước trình gồm:

- a) Báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước;
- b) Báo cáo tham gia ý kiến về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương để Quốc hội xem xét, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương.

Điều 7. Về việc xem xét, cho ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Trên cơ sở hồ sơ các báo cáo Chính phủ trình, báo cáo thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan có liên quan (nếu có), Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về hồ sơ, việc đáp ứng đầy đủ điều kiện trình Quốc hội xem xét, quyết định, sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật và không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
2. Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 974/2020/UBTVQH14 ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
3. Giao Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn

ngân sách địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm để bảo đảm việc thực hiện thống nhất, phù hợp với thực tế tại địa phương và quy định tại Nghị quyết này.

Điều 9. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI, Phiên họp thứ 03 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2026.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn

DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 09/2026/UBTVQH16 ngày 08/7/2026
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

<u>Phần thứ nhất</u>	<u>Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia</u>
Mẫu biểu số 01:	Đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tài chính - NSNN chủ yếu giai đoạn ...
Mẫu biểu số 02:	Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn ...
Mẫu biểu số 03:	Dự kiến cân đối NSNN giai đoạn ...
Mẫu biểu số 04:	Dự kiến tổng mức dư nợ và nghĩa vụ trả nợ giai đoạn ...
<u>Phần thứ hai</u>	<u>Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN</u>
Mẫu biểu số 05:	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn từ năm N(1) đến năm (N+4)
Mẫu biểu số 06:	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn từ năm N(1) đến năm (N+4) của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
Mẫu biểu số 07:	Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn từ năm N(1) đến năm (N+4) vốn NSTW trong nước/vốn cân đối NSDP
Mẫu biểu số 08:	Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đưa vào cân đối NSTW) giai đoạn từ năm (N) đến năm (N+4)
<u>Phần thứ ba</u>	<u>Dự toán ngân sách nhà nước</u>
1.	Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành
Mẫu biểu số 9:	Đánh giá cân đối NSNN năm ...
Mẫu biểu số 10:	Đánh giá thực hiện thu NSNN theo lĩnh vực năm ...
Mẫu biểu số 11:	Đánh giá thu NSNN theo sắc thuế năm ...
Mẫu biểu số 12:	Đánh giá chi NSNN theo cơ cấu chi năm ...
2.	Dự toán ngân sách nhà nước năm sau
Mẫu biểu số 13:	Cân đối NSNN năm ...
Mẫu biểu số 14:	Dự toán thu NSNN theo lĩnh vực năm ...
Mẫu biểu số 15:	Dự toán thu NSNN theo sắc thuế năm ...
Mẫu biểu số 16:	Dự toán chi NSNN theo cơ cấu chi năm ...

12

Mẫu biểu số 17:	Dư nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia năm ...
<u>Phần thứ tư</u>	<u>Phân bổ ngân sách trung ương</u>
1.	Tình hình thực hiện ngân sách trung ương năm hiện hành
Mẫu biểu số 18:	Đánh giá cân đối nguồn thu, chi NSTW và NSDP năm ...
Mẫu biểu số 19:	Đánh giá thực hiện chi NSNN, chi NSTW và chi NSDP theo cơ cấu chi năm ...
Mẫu biểu số 20:	Đánh giá thực hiện chi NSTW theo lĩnh vực năm ...
Mẫu biểu số 21:	Đánh giá thực hiện chi NSTW cho từng bộ, cơ quan trung ương theo từng nhiệm vụ chi của NSTW năm ...
Mẫu biểu số 22:	Đánh giá thực hiện chi ĐTPT của NSTW cho từng bộ, cơ quan trung ương theo vốn trong nước, vốn nước ngoài năm ...
Mẫu biểu số 23:	Đánh giá thực hiện chi thường xuyên của NSTW cho từng bộ, cơ quan trung ương theo từng lĩnh vực năm ...
Mẫu biểu số 24:	Đánh giá thực hiện thu NSNN năm ...
Mẫu biểu số 25:	Đánh giá thực hiện thu NSNN trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ...
Mẫu biểu số 26:	Đánh giá thực hiện chi cân đối ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ...
Mẫu biểu số 27:	Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Trung ương quản lý năm ...
Mẫu biểu số 28:	Đánh giá thực hiện thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm ...(không bao gồm nguồn NSNN)
2.	Phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm sau
Mẫu biểu số 29:	Cân đối nguồn thu, chi dự toán NSTW và NSDP năm ...
Mẫu biểu số 30:	Dự toán thu NSNN năm ...
Mẫu biểu số 31:	Dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ...
Mẫu biểu số 32:	Dự toán chi NSNN, chi NSTW và chi NSDP theo cơ cấu chi năm ...
Mẫu biểu số 33:	Dự toán chi NSTW theo lĩnh vực năm ...
Mẫu biểu số 34:	Dự toán chi NSTW cho từng bộ, cơ quan trung ương theo từng nhiệm vụ chi của NSTW năm ...
Mẫu biểu số 35:	Dự toán chi ĐTPT của NSTW cho từng Bộ, cơ quan Trung ương năm ...
Mẫu biểu số 36:	Dự toán chi thường xuyên của NSTW cho từng bộ, cơ quan trung ương theo từng lĩnh vực năm ...

Mẫu biểu số 37:	Dự toán chi CTMTQG của từng bộ, cơ quan trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ...
Mẫu biểu số 38:	Dự toán thu, chi, cân đối NSDP; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP năm ... <i>(Dùng cho năm xác định số bổ sung cân đối)</i>
Mẫu biểu số 39:	Dự toán thu, chi, cân đối NSDP; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP năm ... <i>(Dùng cho các năm không xác định số bổ sung cân đối)</i>
Mẫu biểu số 40:	Dự toán chi cân đối NSDP từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ... <i>(Dùng cho năm xác định số bổ sung cân đối)</i>
Mẫu biểu số 41:	Dự toán chi cân đối NSDP từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ... <i>(Dùng cho các năm không xác định số bổ sung cân đối)</i>
Mẫu biểu số 42:	Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ...
Mẫu biểu số 43:	Dự toán chi bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp từ NSTW cho NSDP để thực hiện các chế độ, nhiệm vụ và chính sách theo quy định năm ...
Mẫu biểu số 44:	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ NSTW cho NSDP năm ...
Mẫu biểu số 45:	Dự toán chi NSDP của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ... <i>(Dùng cho năm xác định số bổ sung cân đối)</i>
Mẫu biểu số 46:	Dự toán chi NSDP của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ... <i>(Dùng cho các năm không xác định số bổ sung cân đối)</i>
Mẫu biểu số 47:	Bội chi và phương án vay - trả nợ của NSDP năm ...
Mẫu biểu số 48:	Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Trung ương quản lý năm ...
Mẫu biểu số 49:	Danh mục các chương trình, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn NSNN (do Quốc hội quyết định) năm ...
Mẫu biểu số 50:	Kế hoạch thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm ... (không bao gồm nguồn NSNN)
Mẫu biểu số 51:	Thu NSDP bố trí trong dự toán, mức vay bù đắp bội chi, vay để trả nợ gốc của NSDP năm ...
<u>Phần thứ năm</u>	<u>Quyết toán ngân sách nhà nước</u>
Mẫu biểu số 52:	Quyết toán cân đối NSNN năm ...
Mẫu biểu số 53:	Quyết toán nguồn thu NSNN theo lĩnh vực năm ...
Mẫu biểu số 54:	Quyết toán thu NSNN theo sắc thuế năm ...

Mẫu biểu số 55:	Quyết toán cân đối nguồn thu chi NSTW và NSDP năm ...
Mẫu biểu số 56:	Quyết thu NSDP bố trí trong dự toán để trả nợ gốc, vay bù đắp bội chi và vay trả nợ gốc của NSDP năm...
Mẫu biểu số 57:	Quyết toán chi NSTW theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 58:	Quyết toán chi NSNN, chi NSTW và chi NSDP theo cơ cấu chi năm ...
Mẫu biểu số 59:	Quyết toán chi NSTW cho từng bộ, cơ quan trung ương theo từng nhiệm vụ chi của NSTW năm ...
Mẫu biểu số 60:	Quyết toán chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương cho từng Bộ, cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực năm ...
Mẫu biểu số 61:	Quyết toán chi thường xuyên của NSTW cho từng Bộ, cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực năm ...
Mẫu biểu số 62:	Tổng hợp quyết toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương năm ...
Mẫu biểu số 63:	Quyết toán chi bổ sung từ NSTW cho NSDP đối với từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ...
Mẫu biểu số 64:	Quyết toán thu NSDP năm ...
Mẫu biểu số 65:	Quyết toán chi NSDP từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ...
Mẫu biểu số 66:	Tổng hợp quyết toán các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Trung ương quản lý năm ...
Mẫu biểu số 67:	Thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn NSNN (do Quốc hội quyết định) năm ...
Mẫu biểu số 68:	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia của từng Bộ, cơ quan Trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm ...
Mẫu biểu số 69:	Tổng hợp thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm ... (không bao gồm nguồn NSNN)
Mẫu biểu số 70:	Quyết toán chi NSNN theo nội dung kinh tế năm...

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN ...**

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN ...	NĂM ...	NĂM ...	NĂM ...	NĂM ...	NĂM ...	THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN ...
A	B	1	2	3	4	5	6	7
I	GDP (theo giá hiện hành)							
II	Tổng thu NSNN							
	Tốc độ tăng thu NSNN (%)							
	Tỷ lệ thu NSNN so với GDP (%)							
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GDP (%)							
1	Thu nội địa							
	Tốc độ tăng thu (%)							
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)							
2	Thu từ dầu thô							
	Tốc độ tăng thu (%)							
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)							
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu							
	Tốc độ tăng thu (%)							
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)							
4	Thu viện trợ							
	Tốc độ tăng thu (%)							
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)							
5	Hoàn thuế giá trị gia tăng							
III	Tổng chi NSNN							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ lệ chi NSNN so với GDP (%)							
	Trong đó:							
1	Chi đầu tư phát triển							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN (%)							
2	Chi dự trữ quốc gia							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN (%)							



STT	NỘI DUNG	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN ***	NĂM ***	NĂM ***	NĂM ***	NĂM ***	NĂM ***	THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN ***
A	B	1	2	3	4	5	6	7
3	Chi trả nợ lãi, viện trợ							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN (%)							
4	Chi thường xuyên							
	Tốc độ tăng chi (%)							
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN (%)							
IV	Bội chi NSNN							
	Tỷ lệ bội chi NSNN so GDP (%)							
V	Nợ công							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							
	Trong đó:							
1	Nợ Chính phủ							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							
2	Nợ Chính phủ bảo lãnh							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							
3	Nợ Chính quyền địa phương							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							
VI	Nợ nước ngoài của quốc gia							
	Dư nợ							
	Tỷ lệ so với GDP (%)							
VII	Chi trả nợ trực tiếp của Chính phủ							
	Tỷ lệ so với thu NSNN (%)							
1	Trả nợ gốc của NSNN							
	Từ nguồn vốn vay							
	Từ nguồn thu NSNN bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư							
2	Trả nợ lãi (từ NSNN)							

me

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN ...

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM ...	NĂM ...	NĂM ...	NĂM ...	NĂM ...
A	B	1	2	3	4	5	6
1	GDP theo giá hiện hành	Tỷ đồng					
2	Tốc độ tăng trưởng GDP	%					
3	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%					
4	Tỷ giá VNĐ/USD						
5	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng					
	<i>Tỷ lệ so với GDP</i>	%					
6	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD					
	<i>Tốc độ tăng trưởng</i>	%					
7	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD					
	<i>Tốc độ tăng trưởng</i>	%					
8	Dân số	Triệu người					
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%					

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH
I	Tổng thu NSNN (1+2+3+4)	
	Tốc độ tăng thu NSNN bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ lệ thu NSNN so với GDP (%)	
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GDP (%)	
1	Thu nội địa	
	Tốc độ tăng thu bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
2	Thu từ dầu thô	
	Tốc độ tăng thu bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	
	Tốc độ tăng thu bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
4	Thu viện trợ	
	Tốc độ tăng thu bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
5	Hoàn thuế giá trị gia tăng	
II	Tổng chi NSNN (1+2+3+4)	
	Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ lệ chi NSNN so với GDP (%)	
	Trong đó:	
1	Chi đầu tư phát triển	
	Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
2	Chi dự trữ quốc gia	
	Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	
3	Chi trả nợ lãi, viện trợ	
	Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSNN bình quân cả giai đoạn (%)	

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH
4	Chi thường xuyên	
	<i>Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm (%)</i>	
	<i>Tỷ trọng trong tổng chi NSNN bình quân cả giai đoạn (%)</i>	
III	Bội chi NSNN	
	<i>Bội chi NSNN so GDP (%)</i>	
IV	Chi trả nợ gốc (1+2)	
	<i>Trong đó: - Chi trả nợ gốc từ nguồn thu NSNN bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư</i> <i>- Tỷ lệ so với tổng nghĩa vụ chi trả nợ gốc (%)</i>	
1	Chi trả nợ gốc NSTW	
	<i>- Từ nguồn vay để trả nợ gốc</i>	
	<i>- Từ nguồn thu NSTW bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư</i>	
2	Chi trả nợ gốc NSDP	
	<i>- Từ nguồn vay để trả nợ gốc</i>	
	<i>- Từ nguồn thu NSDP bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư</i>	
V	Tổng mức vay của NSNN (1+2)	
1	Vay để bù đắp bội chi	
2	Vay để trả nợ gốc	

u

DỰ KIẾN TỔNG MỨC DƯ NỢ VÀ NGHĨA VỤ TRẢ NỢ GIAI ĐOẠN ...*Đơn vị: Tỷ đồng*

STT	NỘI DUNG	NĂM CUỐI KỲ KẾ HOẠCH
I	Nợ công	
	<i>Dư nợ</i>	
	<i>Tỷ lệ so với GDP (%)</i>	
	Trong đó:	
1	Nợ Chính phủ	
	<i>Dư nợ</i>	
	<i>Tỷ lệ so với GDP (%)</i>	
2	Nợ Chính phủ bảo lãnh	
	<i>Dư nợ</i>	
	<i>Tỷ lệ so với GDP (%)</i>	
3	Nợ Chính quyền địa phương	
	<i>Dư nợ</i>	
	<i>Tỷ lệ so với GDP (%)</i>	
II	Nợ nước ngoài của quốc gia	
	<i>Dư nợ</i>	
	<i>Tỷ lệ so với GDP (%)</i>	
III	Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ	
	<i>Tỷ lệ so với thu NSNN (%)</i>	
1	Trả nợ gốc	
	- Từ nguồn vốn vay	
	- Từ nguồn thu NSNN bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư	
2	Trả nợ lãi (từ NSNN)	

M

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN
TỪ NĂM N⁽¹⁾ ĐẾN NĂM (N+4)**

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N ĐẾN NĂM (N+4)				
		TỔNG SỐ	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
			TỔNG	TRONG ĐÓ:		
				VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NƯỚC NGOÀI	
A	B	1=2+5	2=3+4	3	4	5
	TỔNG SỐ					
A	PHÂN BỐ CHO CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG					
I	SỐ VỐN PHÂN BỐ CHI TIẾT					
	Trong đó:					
	- Lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
	- Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
1	Bộ, cơ quan, địa phương ...					
2	Bộ, cơ quan, địa phương ...					
II	SỐ VỐN CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT					
B	DỰ PHÒNG CHUNG					
...						

Ghi chú:

(1) N là năm bắt đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo.

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N⁽¹⁾ ĐẾN NĂM (N+4) CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG ⁽²⁾

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG												VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	TRONG ĐÓ:	
			VỐN TRONG NƯỚC						VỐN NƯỚC NGOÀI							LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ	LĨNH VỰC KH, CN, ĐMST & CBS
			TỔNG	TRONG ĐÓ				TỔNG	TRONG ĐÓ								
				ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC					ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC				CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA				
				TỔNG SỐ	NGÀNH, LĨNH VỰC...	NGÀNH, LĨNH VỰC...			CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	TỔNG SỐ	NGÀNH, LĨNH VỰC...	NGÀNH, LĨNH VỰC...					
A	B	1=2+8	2=3+7	3=4+5+6	4	5	6	7	8=9+13	9=10+11+12	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ																
I	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG																
1	Bộ, cơ quan trung ương ...																
...	...																
II	ĐỊA PHƯƠNG																
	Vùng ...																
1	Địa phương ...																
...	...																

Ghi chú:

- (1) N là năm bắt đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo.
(2) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn, không bao gồm các cột ngành, lĩnh vực

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N⁽¹⁾ ĐẾN NĂM (N+4) VỐN ...⁽²⁾

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ***	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ***				Tổng số	Trong đó		
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB ⁽³⁾	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ											
	BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG											
A	NGÀNH, LĨNH VỰC											
I	Ngành, lĩnh vực....											
1	Dự án quan trọng quốc gia											
1.1	Chuẩn bị đầu tư											
(1)	Dự án ...											
...	...											
1.2	Thực hiện dự án											
(1)	Dự án ...											
...	...											
2	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C											
2.1	Chuẩn bị đầu tư											
(1)	Dự án ...											
...	...											
2.2	Thực hiện dự án											
2.2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm (N-5) đến năm (N-1) sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)											
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm (N-1)											
(1)	Dự án ...											
...	...											
b)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)											
	- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)											
(1)	Dự án ...											
...	...											
	- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm (N+4)											
(1)	Dự án ...											
...	...											
2.2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)											
a)	- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)											
(1)	Dự án ...											
...	...											
b)	- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm (N+4)											
(1)	Dự án ...											
...	...											
II	Ngành, lĩnh vực....											
	Phân loại như mục I											
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA											
I	Chương trình mục tiêu quốc gia ...											
...	...											

Ghi chú:

(1) N là năm bắt đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo;

(2) Đề nghị báo cáo vốn ngân sách trung ương trong nước và vốn cân đối ngân sách địa phương, mỗi nguồn vốn tách ra báo cáo thành một biểu riêng;

(3) Chỉ được bố trí vốn đầu tư công để thanh toán nợ đọng XDCB phát sinh trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Dự toán chuẩn bị đầu tư								Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)						Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)						Ghi chú
						Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Trong đó				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Trong đó:							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)					
							Quy đổi ra tiền Việt							Tích bảng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tích bảng nguyên tệ		Quy đổi ra tiền Việt							
							Trong đó:																			
Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽²⁾	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾		Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số (1)	Trong đó: vốn	Tính bảng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số (1)	Trong đó: vốn	Tính bảng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số (1)	Trong đó: vốn	Tính bảng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								
Tổng số (2)	Trong đó: vốn	Tính bảng nguyên tệ	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số (1)	Trong đó: vốn	Tích bảng nguyên tệ	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Tổng số (1)	Trong đó: vốn	Tích bảng nguyên tệ	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Tổng số (1)	Trong đó: vốn	Tích bảng nguyên tệ	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
a)	- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																									
(1)	Dự án ...																									
b)	- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm (N+4)																									
(1)	Dự án ...																									
II	Ngành, lĩnh vực....																									
	Phân loại như mục I																									
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA																									
I	Chương trình mục tiêu quốc gia ...																									

Ghi chú:
(1) N là năm bắt đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo
(2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt Nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt Nam đồng quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm ký kết Hiệp định.
Phân bổ vốn bố trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt Nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM ...	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM...	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	<u>TỔNG THU NSNN</u>				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
5	Hoàn thuế giá trị gia tăng				
B	<u>TỔNG CHI NSNN</u>				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi dự trữ quốc gia				
3	Chi trả nợ lãi				
4	Chi viện trợ				
5	Chi thường xuyên				
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
7	Dự phòng NSNN				
8	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế				
9	Các nhiệm vụ chi khác				
C	<u>BỘI CHI NSNN (1)</u>				
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)		(2)		
1	Bội chi NSTW				
2	Bội chi NSDP (3)				
D	<u>TRẢ NỢ GỐC</u>				
1	Trả nợ gốc NSTW				
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
	- Từ nguồn thu NSTW bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư				
2	Trả nợ gốc NSDP				
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
	- Từ nguồn thu NSDP bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư				
Đ	<u>TỔNG MỨC VAY CỦA NSNN</u>				
1	Vay để bù đắp bội chi				
2	Vay để trả nợ gốc				

Ghi chú:

(1) Bội chi NSNN bao gồm bội chi của NSTW và bội chi NSDP (nếu có);

(2) Tỷ lệ so với GDP ước thực hiện;

(3) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số thu NSDP bố trí trong dự toán để trả nợ gốc.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<u>TỔNG THU NSNN</u>				
I	Thu nội địa				
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
4	Thuế thu nhập cá nhân				
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Các loại phí, lệ phí				
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>				
7	Các khoản thu về nhà, đất				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	- Thu tiền cho thuê đất				
	- Thu tiền sử dụng đất				
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
8	Thu từ hoạt động xổ số				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; thu tiền sử dụng khu vực biển				
10	Thu khác ngân sách				
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				
12	Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước				
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
	- Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thuế xuất khẩu				
	- Thuế nhập khẩu				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thu khác				
IV	Hoàn thuế giá trị gia tăng				
V	Thu viện trợ				

ĐÁNH GIÁ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM							ƯỚC THỰC HIỆN NĂM							SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...DỰ TOÁN NĂM..... (%)						
		TỔNG SỐ	KHU VỰC ĐNN (1)	KHU VỰC ĐN CÓ VỐN ĐTN (2)	KHU VỰC KINH TẾ NGOẠI QUỐC DOANH	THU TỬ HOẠT ĐỘNG XÓ SỐ	THU TỬ ĐẦU THỎ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC ĐNN	KHU VỰC ĐN CÓ VỐN ĐTN	KHU VỰC KINH TẾ NGOẠI QUỐC DOANH	THU TỬ HOẠT ĐỘNG XÓ SỐ	THU TỬ ĐẦU THỎ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC ĐNN	KHU VỰC ĐN CÓ VỐN ĐTN	KHU VỰC KINH TẾ NGOẠI QUỐC DOANH	THU TỬ HOẠT ĐỘNG XÓ SỐ	THU TỬ ĐẦU THỎ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 8/1	16 = 9/2	17 = 10/3	18 = 11/4	19 = 12/5	20 = 13/6	21 = 14/7
	TỔNG THU NSNN																					
A	Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí																					
I	Các khoản thu từ thuế																					
1	Thuế giá trị gia tăng																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
	- Hoàn thuế GTGT																					
2	Thuế TTDB																					
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước																					
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước																					
3	Thuế bảo vệ môi trường																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp																					
5	Thuế thu nhập cá nhân																					
6	Thuế tài nguyên																					
7	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu																					
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp																					
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp																					
II	Các khoản thu từ phí, lệ phí																					
10	Lệ phí trước bạ																					
11	Các loại phí, lệ phí khác																					
B	Các khoản thu ngoài thuế, phí, lệ phí																					
1	Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
	- Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần																					
	- Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế																					
	- Chênh lệch thu, chi của NHNN																					
2	Thu tiền cho thuê đất																					
3	Thu tiền sử dụng đất																					
4	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước																					
5	Thu cấp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; thu tiền sử dụng khu vực biển																					
6	Thu khác																					
C	Thu viện trợ																					

Ghi chú: (1) Bao gồm thu từ các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn và các doanh nghiệp đã cổ phần hóa nhưng Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo.

(2) Các khoản thu từ doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh, bao gồm thu từ các nhà cung cấp nước ngoài.

ĐÁNH GIÁ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM ...	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM...	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<u>TỔNG CHI NSNN</u>				
I	Chi đầu tư phát triển				
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực				
	Trong đó:				
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
II	Chi dự trữ quốc gia				
III	Chi trả nợ lãi				
IV	Chi viện trợ				
V	Chi thường xuyên				
	Trong đó:				
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
VII	Dự phòng NSNN				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế				
IX	Các nhiệm vụ chi khác				

Handwritten signature

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ... (5)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM ... (hiện hành)	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM... (hiện hành)	DỰ TOÁN NĂM ...	SO SÁNH DỰ TOÁN NĂM .../ NĂM... (1)	
					TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI
A	B	1	2	3	4	5
<u>A</u>	<u>TỔNG THU NSNN</u>					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
5	Hoàn thuế giá trị gia tăng					
<u>B</u>	<u>TỔNG CHI NSNN</u>					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi dự trữ quốc gia					
3	Chi trả nợ lãi					
4	Chi viện trợ					
5	Chi thường xuyên					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế					
9	Các nhiệm vụ chi khác					
<u>C</u>	<u>BỘI CHI NSNN (2)</u>					
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)		(3)			
1	Bội chi NSTW					
2	Bội chi NSDP (4)					
<u>D</u>	<u>TRẢ NỢ GỐC</u>					
1	Trả nợ gốc NSTW					
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
	- Từ nguồn thu NSTW bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư					
2	Trả nợ gốc NSDP					
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
	- Từ nguồn thu NSDP bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư					
<u>Đ</u>	<u>TỔNG MỨC VAY CỦA NSNN</u>					
1	Vay để bù đắp bội chi					
2	Vay để trả nợ gốc					

Ghi chú:

(1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSNN, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

(2) Bội chi NSNN bao gồm bội chi NSTW và bội chi NSDP (nếu có).

(3) Tỷ lệ so với GDP ước thực hiện.

(4) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số thu NSDP bố trí trong dự toán để trả nợ gốc.

(5) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về dự toán NSNN, chỉ bao gồm chỉ tiêu tại các cột A, B & 3.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM ... (1)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...	DỰ TOÁN NĂM	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG THU NSNN			
I	Thu nội địa			
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
4	Thuế thu nhập cá nhân			
5	Thuế bảo vệ môi trường			
6	Các loại phí, lệ phí			
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>			
7	Các khoản thu về nhà, đất			
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
	- Thu tiền cho thuê đất			
	- Thu tiền sử dụng đất			
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
8	Thu từ hoạt động xổ số			
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; thu tiền sử dụng khu vực biển			
10	Thu khác ngân sách			
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			
12	Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước			
II	Thu từ dầu thô			
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			
	- Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế xuất khẩu			
	- Thuế nhập khẩu			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thu khác			
IV	Hoàn thuế giá trị gia tăng			
V	Thu viện trợ			

Ghi chú:

(1) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về dự toán NSNN chỉ bao gồm các chỉ tiêu của cột A, B và cột số 2.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SÁC THUẾ NĂM...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM							DỰ TOÁN NĂM							SỐ SÁNH DỰ TOÁN NĂMƯƯỚC THỰC HIỆN NĂM ... (%)						
		TỔNG SỐ	KHU VỰC ĐNN (1)	KHU VỰC ĐN CÓ VỐN ĐTN (2)	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ	THU TỪ ĐẦU THỔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC ĐNN	KHU VỰC ĐN CÓ VỐN ĐTN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ	THU TỪ ĐẦU THỔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC ĐNN	KHU VỰC ĐN CÓ VỐN ĐTN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ	THU TỪ ĐẦU THỔ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 8/1	16 = 9/2	17 = 10/3	18 = 11/4	19 = 12/5	20 = 13/6	21 = 14/7
	TỔNG THU NSNN																					
A	Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí																					
I	Các khoản thu từ thuế																					
1	Thuế giá trị gia tăng																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
	- Hoàn thuế GTGT																					
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt																					
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước																					
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước																					
3	Thuế bảo vệ môi trường																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp																					
5	Thuế thu nhập cá nhân																					
6	Thuế tài nguyên																					
7	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu																					
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp																					
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp																					
II	Các khoản thu từ phí, lệ phí																					
10	Lệ phí trước bạ																					
11	Các loại phí, lệ phí khác																					
B	Các khoản thu ngoài thuế, phí, lệ phí																					
1	Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
	- Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần																					
	- Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế																					
	- Chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
2	Thu tiền cho thuê đất																					
3	Thu tiền sử dụng đất																					
4	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước																					
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; thu tiền sử dụng khu vực biển																					
6	Thu khác																					
C	Thu viện trợ																					

Ghi chú: (1) Bao gồm thu từ các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn và các doanh nghiệp đã có phần hóa nhưng Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo.

(2) Các khoản thu từ doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh, nhà cung cấp nước ngoài.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM ...	DỰ TOÁN NĂM ...	SO SÁNH DỰ TOÁN NĂM.../DỰ TOÁN NĂM ... (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSNN			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi dự trữ quốc gia			
III	Chi trả nợ lãi			
IV	Chi viện trợ			
V	Chi thường xuyên			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VII	Dự phòng NSNN			
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế			
IX	Các nhiệm vụ chi khác			

u

DƯ NỢ CÔNG, NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA QUỐC GIA NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...	DỰ TOÁN NĂM ...
A	B	1	2
I	Nợ công		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
	Trong đó:		
1	Nợ Chính phủ		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
2	Nợ được Chính phủ bảo lãnh		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
3	Nợ Chính quyền địa phương		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
II	Nợ nước ngoài của quốc gia		
	Dư nợ		
	Tỷ lệ so với GDP (%)		
III	Nghĩa vụ/ Chi trả nợ trực tiếp của Chính phủ (1)		
	Tỷ lệ so với thu NSNN (%)		
1	Trả nợ gốc		
	- Từ nguồn vốn vay		
	- Từ nguồn thu NSNN bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư		
2	Trả nợ lãi (từ NSNN)		

Ghi chú:

(1) Đối với năm hiện hành là ước thực hiện số chi trả nợ; đối với năm dự toán là nghĩa vụ trả nợ.

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM ...	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<u>A</u>	<u>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>				
I	Thu NSTW hưởng theo phân cấp				
1	Thu thuế, phí và các khoản thu khác				
2	Thu từ nguồn viện trợ				
II	Tổng chi NSTW				
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSDP)				
2	Chi bổ sung cho NSDP				
	- Chi bổ sung cân đối				
	- Chi bổ sung có mục tiêu				
III	Bội chi NSTW				
<u>B</u>	<u>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>				
I	Tổng thu NSDP				
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp				
2	Thu bổ sung từ NSTW				
	- Thu bổ sung cân đối				
	- Thu bổ sung có mục tiêu				
II	Tổng chi NSDP				
1	Chi cân đối NSDP theo phân cấp (không kể bổ sung có mục tiêu từ NSTW)				
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW				
III	Bội chi NSDP/Thu NSDP bố trí trong dự toán để trả nợ gốc (1)				

Ghi chú:
(1) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số thu NSNN bố trí trong dự toán NSDP để trả nợ gốc.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM...	CHIA RA		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...	CHIA RA		SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN/ DỰ TOÁN NĂM ... (%)		
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	TỔNG SỐ	NSTW	NSDP
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSNN									
I	Chi đầu tư phát triển									
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực									
	Trong đó:									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số									
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia									
II	Chi dự trữ quốc gia									
III	Chi trả nợ lãi									
IV	Chi viện trợ									
V	Chi thường xuyên									
	Trong đó:									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số									
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
VII	Dự phòng NSNN									
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế									
IX	Các nhiệm vụ chi khác									

✓

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM...	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NSDP			
B	CHI NSTW THEO LĨNH VỰC			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>			
	<i>Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</i>			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi dự trữ quốc gia			
III	Chi trả nợ lãi			
IV	Chi viện trợ			
V	Chi thường xuyên			
1	Chi quốc phòng			
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
4	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
5	Chi y tế, dân số và gia đình			
6	Chi văn hóa thông tin			
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
8	Chi thể dục thể thao			
9	Chi bảo vệ môi trường			
10	Chi các hoạt động kinh tế			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
12	Chi bảo đảm xã hội			
13	Chi thường xuyên khác			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VII	Dự phòng NSNN			
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế			
IX	Các nhiệm vụ chi khác			

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
THEO NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC, VỐN NƯỚC NGOÀI NĂM ...**

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ	
			VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NƯỚC NGOÀI
A	B	1=2+3	2	3
	<u>TỔNG SỐ</u>			
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương			
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...			
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...			
...	...			
II	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao			

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	THU NỘI ĐỊA	GÓM:																		THU TỶ ĐẦU THỎ	THU TỶ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	GÓM:						
				THU TỶ KHU VỰC ĐNNN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ	THU TỶ KHU VỰC ĐNNN ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	THU TỶ KHU VỰC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐTNN (1)	THU TỶ KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QĐ	THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THU TỶ HÀNG HÓA TRONG NƯỚC	PHÍ, LỆ PHÍ	LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ	THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP	THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	TIỀN CHO THUÊ ĐẤT	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	TIỀN CHO THUÊ VÀ TIỀN BÀN NHÀ Ở THUỘC SINH	THU TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, TÀI NGUYÊN NƯỚC, TIỀN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG TÀN SỬ VỎ TUYẾN ĐIỆN; TIỀN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN	THU KHÁC NGÂN SÁCH	THU TỶ/ QUÝ ĐẤT CÔNG ÍCH VÀ THU HÒA LỢI CÔNG SẢN KHÁC	THU TỶ CƠ CẤU VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP, CHUYỂN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN, THU CỔ TỨC, LỢI NHUẬN SAU THUẾ	THU TỶ HOẠT ĐỘNG XỐ SỐ			CHIẾNH LỆCH THU CHI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	THUẾ GTGT THU TỶ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU	THUẾ XUẤT KHẨU	THUẾ NHẬP KHẨU	THUẾ TTDB THU TỶ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU	THUẾ BVMT THU TỶ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU	THU KHÁC
A	B	1-2+22+23	2-3+4+...+21	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23+24+25+...+29	24	25	26	27	28	29
	TỔNG SỐ																													
A	SỐ THU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG																													
1	Vàng ...																													
1	Địa phương ...																													
2	Địa phương ...																													
	Vàng ...																													
	Địa phương ...																													
B	SỐ THU DO BỘ TÀI CHÍNH TRỰC TIẾP TỔ CHỨC THỰC HIỆN																													

Ghi chú:
(1) Các khoản thu từ doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài năm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.

Đánh giá thực hiện chi cân đối ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm ...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM ...											ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSDP NĂM ...										SO SÁNH (%)																					
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN						CHI THƯỜNG XUYÊN			TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN						CHI THƯỜNG XUYÊN			TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN						CHI THƯỜNG XUYÊN															
			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	BỘI CHI NSDP	TỔNG SỐ	CHI GD-ĐT		CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	BỘI CHI NSBP	TỔNG SỐ		CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	BỘI CHI NSBP	TỔNG SỐ	CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS										
				CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS										CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS										CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS								CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS	CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS	CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS	CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS	CHI GD-ĐT	CHI KH, CN, ĐMST VÀ CBS
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43
	TỔNG SỐ																																											
1	Vùng ...																																											
1	Địa phương ...																																											
2	Địa phương ...																																											
3																																												
4																																												
***	Vùng...																																											
***	Địa phương ...																																											

Handwritten signature

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
NGOÀI NGÂN SÁCH DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ NĂM ...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN QUỸ	DỰ NGUỒN ĐẾN 31/12/... (năm trước) (1)	KẾ HOẠCH NĂM...				ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...				DỰ NGUỒN ĐẾN 31/12/... (năm hiện hành) (1)
			TỔNG NGUỒN VỐN PHÁT SINH TRONG NĂM (2)		TỔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG NĂM (3)	CHÊNH LỆCH NGUỒN TRONG NĂM	TỔNG NGUỒN VỐN PHÁT SINH TRONG NĂM (2)		TỔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG NĂM (3)	CHÊNH LỆCH NGUỒN TRONG NĂM	
			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ: HỖ TRỢ TỪ NSTW (nếu có)			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ: HỖ TRỢ TỪ NSTW (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=1+2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ ...										
2	Quỹ ...										
3	Quỹ ...										
4	...										
....											
	Tổng số										

Ghi chú:

(1) Đối với các quỹ Bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) là số dư Quỹ.

(2) - Đối với các quỹ Bảo hiểm: phạm vi bao gồm thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ quy định, thu từ hoạt động đầu tư quỹ và tiền lãi phát sinh trên các tài khoản phân ánh thu, chi theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính.

- Đối với các Quỹ khác: phạm vi bao gồm vốn thu hồi nợ vay, ngân sách nhà nước cấp, vốn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, thu tài chính Quỹ.

(3) - Đối với các quỹ Bảo hiểm: phạm vi bao gồm chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; chi tổ chức hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

- Đối với các Quỹ khác: phạm vi bao gồm giải ngân cho vay; sử dụng vốn thực hiện các nhiệm vụ (hỗ trợ lãi suất, tài trợ không hoàn lại và các nhiệm vụ khác), chi tài chính Quỹ, bao gồm cả chênh lệch thu lớn hơn chi Quỹ và sử dụng vốn khác (nếu có).

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM ...
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)**

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM...	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<u>TỔNG SỐ</u>			
1	Các đơn vị do Trung ương quản lý			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			
2	Các đơn vị do địa phương quản lý			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM (1)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM... (hiện hành)	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM... (hiện hành)	DỰ TOÁN NĂM ...	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3	4
A	<u>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>				
I	Thu NSTW hưởng theo phân cấp				
1	Thu thuế, phí và các khoản thu khác				
2	Thu từ nguồn viện trợ				
II	Tổng chi NSTW				
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSDP)				
2	Chi bổ sung cho NSDP				
	- Chi bổ sung cân đối				
	- Chi bổ sung có mục tiêu				
III	Bội chi NSTW				
B	<u>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>				
I	Tổng thu NSDP				
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp				
2	Thu bổ sung từ NSTW				
	- Thu bổ sung cân đối				
	- Thu bổ sung có mục tiêu				
II	Tổng chi NSDP				
1	Chi cân đối NSDP theo phân cấp (không kể bổ sung có mục tiêu từ NSTW)				
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW				
III	Bội chi NSDP/Thu NSDP bố trí trong dự toán để trả nợ gốc (2)				
1	Bội chi của các địa phương có bội chi NSDP				
2	Thu NSDP bố trí trong dự toán để trả nợ gốc				

Ghi chú:

(1) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về dự toán NSNN, chỉ bao gồm các chỉ tiêu tại các cột A, B&3;

(2) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số thu NSDP bố trí trong dự toán NSDP để trả nợ gốc.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	THU NỘI ĐỊA	GOM:																			THU TỶ DẦU THỎ	THU TỶ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	GOM:					
				THU TỶ KHU VỰC ĐNN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ	THU TỶ KHU VỰC ĐNN ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	THU TỶ KHU VỰC DOANH NGHIỆP CỔ VỐN ĐNN (1)	THU TỶ KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QĐ	THUẾ THU NHẬP CẢ NHÂN	THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THU TỶ HÀNG HÓA TRONG NƯỚC	PHÍ, LỆ PHÍ	LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ	THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP	THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHU NÔNG NGHIỆP	TIỀN CHO THUẾ ĐẤT	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	TIỀN CHO THUẾ VÀ TIỀN BÀN NHÀ Ở THUỘC SHNN	THU TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, TÀI NGUYÊN NƯỚC, TIỀN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG TÀI SẢN VÔ TUYÊN ĐIỆN; TIỀN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN	THU KHÁC NGÂN SÁCH	THU TỶ QUÝ ĐẤT CÔNG ICĐ VÀ THU HOA LỢI CÔNG SẢN KHÁC	THU TỶ CƠ CẤU VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP, CHUYÊN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN, THU CỐ TỨC, LỢI NHUẬN SAU THUẾ	CHẾNH LỆCH THU CHỈ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	THUẾ GTGT THU TỶ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU			THUẾ XUẤT KHẨU	THUẾ NHẬP KHẨU	THUẾ TTĐB THU TỶ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU	THUẾ BSM THU TỶ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU	THU KHÁC	
A	B	1+2+22+23	2+3+8+...+21	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23+24+25+...+29	24	25	26	27	28	29
	TỔNG SỐ																													
A	SỐ THU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG																													
1	Vàng ...																													
1	Địa phương ...																													
2	Địa phương ...																													
	Vàng ...																													
	Địa phương ...																													
B	SỐ THU DO BỘ TÀI CHÍNH TRỰC TIẾP TỔ CHỨC THU																													
I																														
II																														

Ghi chú:
(1) Các khoản thu từ doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài năm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA
PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM ... (1)**

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	NSNN	CHIA RA	
			NSTW	NSDP
A	B	1=2+3	2	3
	<u>TỔNG CHI NSNN</u>			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi dự trữ quốc gia			
III	Chi trả nợ lãi			
IV	Chi viện trợ			
V	Chi thường xuyên			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VII	Dự phòng NSNN			
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế			
IX	Các nhiệm vụ chi khác			

Ghi chú:

(1) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về dự toán NSNN không bao gồm chi tiêu về chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề và chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM ... (1)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	<u>TỔNG CHI NSTW</u>	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NSĐP	
B	CHI NSTW THEO LĨNH VỰC	
I	Chi đầu tư phát triển	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi dự trữ quốc gia	
III	Chi trả nợ lãi	
IV	Chi viện trợ	
V	Chi thường xuyên	
1	Chi quốc phòng	
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
4	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	
6	Chi văn hóa thông tin	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
8	Chi thể dục thể thao	
9	Chi bảo vệ môi trường	
10	Chi các hoạt động kinh tế	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
12	Chi bảo đảm xã hội	
13	Chi thường xuyên khác	
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
VII	Dự phòng ngân sách trung ương	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế	
IX	Các nhiệm vụ chi khác	

Ghi chú:

(1) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về phân bổ NSTW không bao gồm chi tiêu tại các dòng 1.1 và 1.2 mục I, chi tiêu từ dòng 1 đến dòng 13 tại mục V.

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:			
			CHI TIẾT THEO 02 LĨNH VỰC		CHI TIẾT THEO CƠ CẤU VỐN	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỜI SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NƯỚC NGOÀI
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ					
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương					
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...					
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...					
3	Bộ, cơ quan Trung ương ...					
4	...					
...	...					
...	...					
II	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao					

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM ... (1)

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XH	CHI GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỘI SỐ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
													CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ																
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương																
1	Bộ, cơ quan Trung ương...																
2	Bộ, cơ quan Trung ương...																
3	Bộ, cơ quan Trung ương...																
4	...																
...	...																
...	...																
II	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao																

Ghi chú:

(1) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về phân bổ NSTW chi giữ lại giữ lại các cột A, B và 1.

**DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
VÀ TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM ...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG; CÁC ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		1. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ...						2. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ...							
			ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ								
						ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN				THƯỜNG XUYÊN								
						TỔNG	TRONG NƯỚC	NƯỚC NGOÀI	TỔNG	TRONG NƯỚC	NƯỚC NGOÀI	TỔNG	TRONG NƯỚC	NƯỚC NGOÀI	TỔNG	TRONG NƯỚC	NƯỚC NGOÀI	
A	B	1=2+3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ																	
I Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương																		
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...																	
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...																	
	...																	
II Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương																		
1	Địa phương ...																	
2	Địa phương ...																	
	...																	

(Dùng cho năm xác định bổ sung cân đối)

2

[illegible]

DỰ TOÁN THU, CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG; TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...
(Dùng cho các năm không xác định số bổ sung cân đối)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	TỈNH/THÀNH/PHỐ	TỔNG THU/NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	THU/NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	CHIA RA																										SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NSTW CHO NSDP	SỐ BỔ SUNG THU/C HUYỆN CÁCH TIỀN LƯƠNG	THU CHUYÊN NGUYÊN SẴM THU/CHUYÊN KANG	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSDP	BỘI CHI NSDP	THU/NSDP BỎ TRỊ TRONG DỰ TOÁN NSDP ĐỂ TRẢ NỢ GỐC	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSDP BAO GỒM BỘI CHI NSDP
				THU/NSDP ĐƯỢC HƯỞNG 100%	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP			THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN			THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT			THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			THU TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOẢNG BÀN, TÀI NGUYÊN NƯỚC ĐO CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG CẤP			THUẾ GTGT 0% NSDP ĐƯỢC HƯỞNG SAU HOÀN THUẾ			THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT			THU TIỀN THUẾ ĐẤT										
					TỔNG SỐ THU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT PHÂN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG (%)	PHẦN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG	TỔNG SỐ THU ¹	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT PHÂN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG (%)	PHẦN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG	TỔNG SỐ THU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT PHÂN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG (%)	PHẦN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG	TỔNG SỐ THU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT PHÂN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG (%)	PHẦN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG	TỔNG SỐ THU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT PHÂN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG (%)	PHẦN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG	TỶ LỆ (%)	PHẦN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG	TỔNG SỐ THU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT PHÂN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG (%)	PHẦN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG	TỔNG SỐ THU	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT PHÂN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG (%)	PHẦN NSDP ĐƯỢC HƯỞNG									
A	B	1	2-3+6+9+12+15+18+20+23+26	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10	11	12=10x11	13	14	15=13x14	16	17	18=16x17	19	20	21	22	23=21x22	24	25	26=24x25	27	28	29	30=2+27+28+29	31	32	33=30+31+32		
	TỔNG SỐ																																			
I	Vùng ...																																			
1	Địa phương ...																																			
2	Địa phương ...																																			
3	...																																			
...	...																																			
...	Vùng ...																																			
...	Địa phương ...																																			
...	...																																			

Handwritten signature

DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM ...
(Dùng cho năm xác định số bổ sung cân đối)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSDP	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (BAO GỒM CHI TRẢ NỢ LÃI)								CHI THƯỜNG XUYÊN			CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH
			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		CHI ĐẦU TƯ XDCB VỐN TRONG NƯỚC (1)	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU CƠ CẤU VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP, CHUYÊN ĐVSN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NSDP	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ			
				CHI GD-ĐT	CHI KH,CN, ĐMST, CDS							CHI GD-ĐT	CHI KH,CN, ĐMST, CDS		
A	B	1=2+10+13+14	2=5+6+7+8+9	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ														
I	Vùng ...														
1	Địa phương ...														
2	Địa phương ...														
3	...														
...	...														
...	Vùng ...														
...	Địa phương ...														
...	...														
...	...														

Ghi chú:

(1) Đã giảm trừ trả nợ gốc.

DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM ...
(Dùng cho các năm không xác định số bổ sung cân đối)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSDP	CHI TẠO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN								CHI THƯỜNG XUYÊN			CHI TRẢ NỢ LÃI	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		CHI ĐẦU TƯ XDCB VỐN TRONG NƯỚC (1)	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU CƠ CẤU VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP, CHUYÊN ĐVSN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NSDP	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ				
					CHI GD-ĐT	CHI KH,CN, ĐMST VÀ CDS							CHI GD-ĐT	CHI KH,CN, ĐMST VÀ CDS			
A	B	1=2+3+11+14+15+16	2	3=6+7+8+9+10	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ																
I	Vùng ...																
1	Địa phương ...																
2	Địa phương ...																
3	...																
...	...																
...	Vùng ...																
...	Địa phương ...																
...	...																

Ghi chú:

(1) Đã giảm trừ trả nợ gốc.

Handwritten signature

DỰ TOÁN CHI BỐ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG SỐ	BỘ SUNG VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	BỘ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH	BỘ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
A	B	I=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ				
I	Vùng ...				
1	Địa phương ...				
2	Địa phương ...				
3	...				
...	...				
...	Vùng ...				
...	Địa phương ...				
...	...				

DỰ TOÁN CHI BỐ SUNG CÓ MỤC TIÊU VỐN SỰ NGHIỆP TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, NHIỆM VỤ VÀ CHÍNH SÁCH THEO QUY ĐỊNH NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG SỐ	VỐN NGOÀI NƯỚC	VỐN TRONG NƯỚC	CHÍNH SÁCH A	CHÍNH SÁCH B	...	...
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	<u>TỔNG SỐ</u>							
I	Vùng ...							
1	Địa phương ...							
2	Địa phương ...							
3	...							
...	...							
...	Vùng ...							
...	Địa phương ...							
...	...							
...	...							

✓

**DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG SỐ		
		TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC
A	B	1	2	3
	<u>TỔNG SỐ</u>			
I	Vùng ...			
1	Địa phương ...			
2	Địa phương ...			
3	...			
...	...			
...	Vùng ...			
...	Địa phương ...			
...	...			
...	...			



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CỦA TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM.....

(Dùng cho năm xác định số bổ sung cân đối)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	A. TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (BAO GỒM CHI TRẢ NỢ LÃI)								CHI THƯỜNG XUYÊN				CHI BỎ SUNG QUỸ ĐTTC	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	TRONG ĐÓ:			B. THU NSDP TRONG DỰ TOÁN NSDP ĐỀ TRẢ NỢ GỐC
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		CHI ĐẦU TƯ XDCB VỐN TRONG NƯỚC (1)	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SD ĐẤT	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU CẤU VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐOANH NGHIỆP, CHUYÊN ĐVSN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	BỘI CHI NSDP	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		BỘ SƯNG VỐN ĐẦU TƯ ĐỀ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ				BỘ SƯNG VỐN SN THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH	BỘ SƯNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG		
					CHI GD-ĐT	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỔ							CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỔ								
A	B	1=2+16	2=3+11+14+15	3=6+7+8+9+10	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=17+18+19	17	18	19	20	
	TỔNG SỐ																					
I	Vùng ...																					
1	Địa phương ...																					
2	Địa phương ...																					
3	...																					
...	Vùng ...																					
...	Địa phương ...																					

Ghi chú:

(1) Đã giảm trừ trả nợ gốc.

Handwritten signature

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CỦA TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM...

(Dùng cho các năm không xác định số bổ sung cân đối)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	A. TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	CHI TẠO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN							CHI THƯỜNG XUYÊN			CHI TRẢ NỢ LÃI	CHI BỔ SUNG QUỸ DTTC	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	TRONG ĐÓ:			B. THU NSDP TRONG DỰ TOÁN NSDP ĐỂ TRẢ NỢ GỐC	C. THU CHUYỂN NGUỒN CCTL NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	
					TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		CHI ĐẦU TƯ XDCB VỐN TRONG NƯỚC (I)	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SD ĐẤT	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỐ SỐ	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU CƠ CẤU VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP, CHUYỂN DVSN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘỊ CHI NSDP	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					BỘ SƯNG VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ	BỘ SƯNG VỐN SN THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH	BỘ SƯNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG			
						CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ							CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO										CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
A	B	1=2+18	2=3+4+12+15+ 16+17	3	4=7+8+9 +10+11	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=19+20+21	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ																							
1	Vùng ...																							
1	Địa phương ...																							
2	Địa phương ...																							
3	...																							
...	Vùng ...																							
...	Địa phương ...																							

Ghi chú:

(1) Đã giảm trừ trả nợ gốc.

u

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1)	CHI CÂN ĐỐI NSDP	THU NSDP BỎ TRÍ TRONG DỰ TOÁN ĐỀ TRẢ NỢ GỐC	BỘI CHI NSDP	CHI TRẢ NỢ GỐC	GỒM:				TỔNG SỐ VAY TRONG NĂM	GỒM:		HẠN MỨC DỰ NỢ VAY CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	DỰ NỢ VAY	
							VAY TRẢ NỢ GỐC	THU NSDP BỎ TRÍ TRONG DỰ TOÁN ĐỀ TRẢ NỢ GỐC	TĂNG THU, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI	KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH		VAY TRONG NƯỚC	VAY TỪ NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY LẠI		ĐẦU NĂM	CUỐI NĂM
A	B	1	2	3=1-2	4=2-1	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ															
I	Vùng ...															
1	Địa phương ...															
2	Địa phương ...															
3	...															
...	...															
...	Vùng ...															
...	Địa phương ...															
...	...															
...	...															

Ghi chú:

(1) Bao gồm thu bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP

✓

**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
NGOÀI NGÂN SÁCH DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ NĂM ...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN QUỸ	DƯ NGUỒN ĐẾN 31/12/... (năm trước) (1)	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...				DƯ NGUỒN ĐẾN 31/12/... (năm hiện hành) (2)	KẾ HOẠCH NĂM ...				DỰ KIẾN DƯ NGUỒN ĐẾN 31/12/... (năm sau) (2)
			TỔNG NGUỒN VỐN PHÁT SINH TRONG NĂM (2)		TỔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG NĂM (3)	CHÊNH LỆCH NGUỒN TRONG NĂM		TỔNG NGUỒN VỐN PHÁT SINH TRONG NĂM (2)		TỔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG NĂM (3)	CHÊNH LỆCH NGUỒN TRONG NĂM	
			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ: HỖ TRỢ TỪ NSTW (nếu có)				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ: HỖ TRỢ TỪ NSTW (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6=1+2-4	7	8	9	10=7-9	11=6+7-9
1	Quỹ ...											
2	Quỹ ...											
3	Quỹ ...											
4	...											
....												
	Tổng số											

Ghi chú:

(1) Đối với các quỹ Bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) là số dư Quỹ.

(2) - Đối với các quỹ Bảo hiểm: phạm vi bao gồm thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ quy định, thu từ hoạt động đầu tư quỹ và tiền lãi phát sinh trên các tài khoản phân ánh thu, chi theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính.

- Đối với các Quỹ khác: phạm vi bao gồm vốn thu hồi nợ vay, ngân sách nhà nước cấp, vốn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, thu tài chính Quỹ.

(3) - Đối với các quỹ Bảo hiểm: phạm vi bao gồm chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; chi tổ chức hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

- Đối với các Quỹ khác: phạm vi bao gồm giải ngân cho vay; sử dụng vốn thực hiện các nhiệm vụ (hỗ trợ lãi suất, tài trợ không hoàn lại và các nhiệm vụ khác), chi tài chính Quỹ, bao gồm cả chênh lệch thu lớn hơn chi Quỹ và sử dụng vốn khác (nếu có).

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA
SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH) NĂM ...**

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	THỜI GIAN KHỞI CÔNG - HOÀN THÀNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 31/12/...	LŨY KẾ KẾ HOẠCH ĐÃ BỎ TRÍ ĐẾN 31/12/...	KẾ HOẠCH VỐN NĂM ...		
						TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC
A	B	1	2	3	4	5=6+7	6	7
1	Dự án ...							
2	Dự án ...							
	...							

**KẾ HOẠCH THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM ...
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)**

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM ...	KẾ HOẠCH NĂM ...	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<u>TỔNG SỐ</u>			
1	Các đơn vị do Trung ương quản lý			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			
2	Các đơn vị do địa phương quản lý			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			

THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỐ TRÍ TRONG DỰ TOÁN ĐỀ TRẢ NỢ GỐC, MỨC VAY BÙ ĐÁP BỘI CHI, VAY ĐỀ TRẢ NỢ GỐC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	THU NSDP BỐ TRÍ TRONG DỰ TOÁN ĐỀ TRẢ NỢ GỐC	SỐ VAY TRONG NĂM		
			TỔNG SỐ	GỒM:	
				VAY ĐỀ BÙ ĐÁP BỘI CHI	VAY TRẢ NỢ GỐC
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ				
I	Vùng ...				
1	Địa phương ...				
2	Địa phương ...				
3	...				
...	...				
...	Vùng ...				
...	Địa phương ...				
...	...				
...	...				
...	...				

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QUYẾT TOÁN / DỰ TOÁN	
			NSNN	NSTW	NSDP	TƯƠNG ĐỐI (%)	TUYỆT ĐỐI
A	B	1	2	3	4	5=2/1	6=2-1
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN						
I	Thu NSNN						
1	Thu nội địa						
2	Thu từ dầu thô						
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu						
4	Thu viện trợ						
5	Hoàn thuế GTGT						
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang						
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính						
IV	Thu kết dư năm trước						
V	Thu bổ sung từ NSTW						
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp trả NSTW						
B	TỔNG CHI NSNN						
I	Chi NSNN						
1	Chi đầu tư phát triển						
2	Chi dự trữ quốc gia						
3	Chi trả nợ lãi						
4	Chi viện trợ						
5	Chi thường xuyên (1)						
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						
7	Dự phòng NSNN (2)						
8	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế (2)						
9	Các nhiệm vụ chi khác (2)						
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau						
III	Chi bổ sung từ NSTW cho NSDP						
IV	Chi nộp trả NSTW						
C	BỘI CHI NSNN (3)						
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)		(4)				
1	Bội chi NSTW/Thu NSTW bổ tri dự toán để trả nợ gốc						
2	Bội chi NSDP/Thu NSDP bổ tri dự toán để trả nợ gốc (5)						
D	KẾT DƯ NSNN						
1	Kết dư NSTW						
2	Kết dư NSDP						
D	TRẢ NỢ GỐC						
1	Trả nợ gốc NSTW						
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc						
	- Từ nguồn thu ngân sách trung ương bổ tri trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư						
2	Trả nợ gốc NSDP						
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc						
	- Từ nguồn thu ngân sách địa phương bổ tri trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư						
E	TỔNG SỐ VAY CỦA NSNN						
1	Vay để bù đắp bội chi						
2	Vay để trả nợ gốc						

Ghi chú:

(1) Quyết toán bao gồm kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ vào các lĩnh vực;

(2) Quyết toán số sử dụng vào các lĩnh vực;

(3) Bội chi NSNN bao gồm bội chi NSTW và bội chi NSDP (nếu có);

(4) Tỷ lệ so với GDP thực hiện;

(5) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số thu NSDP bổ tri dự toán để trả nợ gốc.

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM ...	QUYẾT TOÁN NĂM ...	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
<u>A</u>	<u>THU NSNN</u>			
<u>I</u>	<u>Thu nội địa</u>			
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
4	Thuế thu nhập cá nhân			
5	Thuế bảo vệ môi trường			
6	Các loại phí, lệ phí			
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>			
7	Các khoản thu về nhà, đất			
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
	- Thu tiền cho thuê đất			
	- Thu tiền sử dụng đất			
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
8	Thu từ hoạt động xổ số			
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; thu tiền sử dụng khu vực biển			
10	Thu khác ngân sách			
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			
12	Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước			
<u>II</u>	<u>Thu từ dầu thô</u>			
<u>III</u>	<u>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</u>			
	- Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế xuất khẩu			
	- Thuế nhập khẩu			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thu khác			
<u>IV</u>	<u>Hoàn thuế giá trị gia tăng</u>			
<u>V</u>	<u>Thu viện trợ</u>			
<u>B</u>	<u>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG</u>			
<u>C</u>	<u>THU TỪ QUỸ DƯ TRỮ TÀI CHÍNH</u>			
<u>D</u>	<u>THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC</u>			
	<u>TỔNG CỘNG (A+B+C+D)</u>			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN							QUYẾT TOÁN							SỐ SẴM (%)						
		TỔNG SỐ	KHU VỰC ĐNN	KHU VỰC ĐN CỎ VỐN DTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ	THU TỪ ĐẦU THỔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC ĐNN	KHU VỰC ĐN CỎ VỐN DTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ	THU TỪ ĐẦU THỔ	KHU VỰC KHÁC	TỔNG SỐ	KHU VỰC ĐNN	KHU VỰC ĐN CỎ VỐN DTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ	THU TỪ ĐẦU THỔ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=8/1	16=9/2	17=10/3	18=11/4	19=12/5	20=13/6	21=14/7
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC																					
A	Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí																					
I	Các khoản thu từ thuế																					
I	Thuế giá trị gia tăng																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa SXKD trong nước																					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
	- Hoàn thuế GTGT																					
2	Thuế tiêu thu đặc biệt																					
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước																					
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước																					
3	Thuế bảo vệ môi trường																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa SXKD trong nước																					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu																					
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp																					
5	Thuế thu nhập cá nhân																					
6	Thuế tài nguyên																					
7	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu																					
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp																					
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp																					
II	Các khoản thu từ phí, lệ phí																					
10	Lệ phí trước bạ																					
11	Các loại phí, lệ phí khác																					
B	Các khoản thu ngoài thuế, phí, lệ phí																					
I	Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
	- Thu từ cơ cấu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần																					
	- Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế																					
	- Chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước																					
2	Thu tiền cho thuê đất																					
3	Thu tiền sử dụng đất																					
4	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước																					
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; thu tiền sử dụng khu vực biển																					
6	Thu khác																					
C	Thu viện trợ																					

✓

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	<u>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>			
I	Tổng nguồn thu NSTW			
1	Thu NSTW hưởng theo phân cấp			
	- Thu thuế, phí và các khoản thu khác			
	- Thu từ nguồn viện trợ			
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư NSTW năm trước			
5	Thu từ cấp dưới nộp trả NSTW			
II	Tổng chi NSTW			
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSDP)			
2	Chi bổ sung cho NSDP			
	- Chi bổ sung cân đối			
	- Chi bổ sung có mục tiêu	(1)		
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
III	Chi trả nợ gốc từ nguồn thu NSTW bố trí dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư NSTW			
IV	Bội chi NSTW			
V	Kết dư NSTW			
B	<u>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>			
I	Tổng nguồn thu NSDP			
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp			
	- Thu thuế, phí và các khoản thu khác			
	- Thu từ nguồn viện trợ			
2	Thu bổ sung từ NSTW			
	- Thu bổ sung cân đối			
	- Thu bổ sung có mục tiêu	(1)		
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
4	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
5	Thu kết dư NSDP năm trước			
II	Tổng chi NSDP			
1	Chi cân đối NSDP và chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW			
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
3	Chi nộp trả NSTW			
HI	Chi trả nợ gốc từ nguồn thu NSNN bố trí trong dự toán, tăng thu, dự toán chi còn lại, kết dư NSDP			
IV	Bội chi NSDP/ Thu NSDP bố trí trong dự toán để trả nợ gốc (2)			
1	Bội chi của các địa phương có bội chi NSDP			
2	Thu NSDP bố trí trong dự toán để trả nợ gốc			
V	Kết dư NSDP			

Ghi chú:

(1) Bao gồm số bổ sung có mục tiêu theo dự toán Quốc hội quyết định đầu năm và các khoản Quốc hội giao Chính phủ bổ sung trong quá trình điều hành;

(2) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số thu NSNN bố trí trong dự toán NSDP để trả nợ gốc.

[illegible]

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM ... (5)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSTW			
A	CHI BỔ SUNG CHO NSDP			
I	Chi bổ sung cân đối			
II	Chi bổ sung có mục tiêu	(1)		
B	CHI NSTW THEO LĨNH VỰC (2)			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
1.1	Chi quốc phòng			
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
1.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
1.4	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình			
1.6	Chi văn hóa thông tin			
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
1.8	Chi thể dục thể thao			
1.9	Chi bảo vệ môi trường			
1.10	Chi các hoạt động kinh tế			
1.11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
1.12	Chi bảo đảm xã hội			
1.13	Chi đầu tư phát triển khác			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi dự trữ quốc gia			
III	Chi trả nợ lãi			
IV	Chi viện trợ			
V	Chi thường xuyên		(3)	
1	Chi quốc phòng			
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
4	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
5	Chi y tế, dân số và gia đình			
6	Chi văn hóa thông tin			
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
8	Chi thể dục thể thao			
9	Chi bảo vệ môi trường			
10	Chi các hoạt động kinh tế			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
12	Chi bảo đảm xã hội			
13	Chi thường xuyên khác			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VII	Dự phòng NSTW		(4)	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế		(4)	
IX	Các nhiệm vụ chi khác		(4)	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

Ghi chú:

(1) Bao gồm số bổ sung có mục tiêu theo dự toán Quốc hội quyết định đầu năm và các khoản Quốc hội giao Chính phủ bổ sung trong quá trình điều hành;

(2) Không bao gồm số phân bổ sử dụng để bổ sung có mục tiêu cho NSDP;

(3) Bao gồm kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ vào các lĩnh vực;

(4) Số quyết toán để trống do được phân bổ sử dụng vào từng lĩnh vực chi tương ứng, hoặc đưa vào chi tiêu chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

(5) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về quyết toán NSNN, không bao gồm các chi tiêu tại dòng từ 1.1 đến 1.13 mục I và các dòng từ 1 đến 13 tại mục V.

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM ... (5)**

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QUYẾT TOÁN /DỰ TOÁN (%)		
		NSNN	NSTW ⁽¹⁾	NSDP ⁽²⁾	NSNN	NSTW	NSDP	NSNN	NSTW	NSDP
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSNN									
I	Chi NSNN									
1	Chi đầu tư phát triển									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số									
2	Chi dự trữ quốc gia									
3	Chi trả nợ lãi									
4	Chi viện trợ									
5	Chi thường xuyên (3)									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số									
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
7	Dự phòng ngân sách (4)									
8	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế (4)									
9	Các nhiệm vụ chi khác (4)									
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau									

Ghi chú :

(1) Không bao gồm bổ sung cho NSDP;

(2) Bao gồm cả bổ sung từ NSTW;

(3) Quyết toán bao gồm kinh phí cải cách tiền lương đã phân bổ vào các lĩnh vực;

(4) Số quyết toán để trống do được phân bổ sử dụng vào số quyết toán chi của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, hoặc đưa vào chi tiêu chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

(5) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về quyết toán NSNN, không bao gồm các chi tiêu chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề và chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
THEO TỪNG NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM ... (2)**

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN TỔNG SỐ CHI (KẾ CẢ CHI BẢNG NGUỒN VAY NỢ, VIỆN TRỢ)	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI DỰ TRÚ QUỐC GIA	CHI TRẢ NỢ LÃI	CHI VIỆN TRỢ	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			SO SÁNH QUYẾT TOÁN/ DỰ TOÁN (%)
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=2/1
	TỔNG SỐ											
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương											
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...											
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...											
3	Bộ, cơ quan Trung ương ...											
4	...											
5	...											
...	...											
...	...											
II	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao											
III	Chi bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP											
IV	Chi trả nợ lãi											
V	Dự phòng NSTW		(1)									
VI	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế		(1)									
VII	Các nhiệm vụ chi khác		(1)									

Ghi chú:

- (1) Số quyết toán để trống do được phân bổ sử dụng vào số quyết toán chi của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, hoặc đưa vào chi tiêu chuyển nguồn sang năm sau theo quy định;
- (2) Để phản ánh đúng kết quả thực hiện chi ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương; tỷ lệ so sánh quyết toán với dự toán được xác định trên cơ sở dự toán được điều chỉnh, bao gồm dự toán được giao đầu năm cùng với dự toán được bổ sung trong quá trình thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền từ các nguồn cải cách tiền lương, tính gián biên chế, dự phòng NSTW và các nhiệm vụ chi khác (nếu có).

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM ... (1)

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			GỒM:														SỐ SẴN QUYẾT TOÁN/HƯ TOÁN (%)		
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		1. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC															2. CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	
			VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NƯỚC NGOÀI		VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NƯỚC NGOÀI	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ															
									CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ GIAO DỤC NGHỀ NGHIỆP	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC			
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9+...+20	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=4/1	
	TỔNG SỐ																							
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương																							
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...																							
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...																							
...	...																							
II	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng.... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao																							

Ghi chú:

(1) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về quyết toán NSNN, không bao gồm chi tiêu tại các cột từ cột 8 đến cột 20.

22

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM ... (1)

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			GỒM											SO SÁNH QUYẾT TOÁN/ĐƯ TOÁN (%)	
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ	CHI Y TẾ, ĐÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ		CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
			VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NƯỚC NGOÀI		VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NƯỚC NGOÀI													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=4/1
	TỔNG SỐ																			
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương																			
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...																			
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...																			
3	Bộ, cơ quan Trung ương ...																			
II	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao																			

Ghi chú:

(1) Khi trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết về quyết toán NSNN, không bao gồm chi tiêu tại các cột từ cột 7 đến cột 18.

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA
CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG NĂM

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM	BAO GỒM				KINH PHÍ QUYẾT TOÁN TRONG NĂM	NGUỒN CÒN LẠI	TRONG ĐÓ	
			DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	NGUỒN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (nếu có)	BỔ SUNG TRONG NĂM (nếu có)	GIẢM TRỪ TRONG NĂM (nếu có)			CHUYỂN NGUỒN NĂM SAU	DỰ TOÁN HỦY BỎ
A	B	1=2+3+4-5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
	<u>TỔNG SỐ</u>									
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương									
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...									
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...									
...										
II	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao									

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM....

Đơn vị: triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO (1)					QUYẾT TOÁN					SO SÁNH QT/DT (%)	
		TỔNG SỐ	GỒM:				TỔNG SỐ	GỒM:				TỔNG SỐ	KHÔNG KỂ BÓ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ VỐN NGOÀI NƯỚC
			BÓ SUNG CÂN ĐỐI	BÓ SUNG CÓ MỤC TIÊU				BÓ SUNG CÂN ĐỐI	BÓ SUNG CÓ MỤC TIÊU				
				TỔNG SỐ	GỒM:				TỔNG SỐ	GỒM:			
		VỐN NƯỚC NGOÀI	VỐN TRONG NƯỚC				VỐN NƯỚC NGOÀI	VỐN TRONG NƯỚC					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6/1	10=(6-9)/(1-4)
	<u>TỔNG SỐ</u>												
I	Vùng ...												
1	Địa phương ...												
2	Địa phương ...												
3	...												
...	...												
...	Vùng ...												
...	...												

Ghi chú:

(1) Bao gồm dự toán đầu năm và dự toán bổ sung trong năm.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG	Trong đó:				
			THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NSTW CHO NSDP	SỐ BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁCH TIỀN LƯƠNG	SỐ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	THU TỪ KẾT DƯ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ						
I	Vùng ...						
1	Địa phương ...						
2	Địa phương ...						
3	...						
...	...						
...	Vùng ...						
...	Địa phương ...						
...	...						

(Handwritten signature)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM ... (2)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN	TỔNG CHI NSDP	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			CHI THƯỜNG XUYÊN			CHI TRẢ NỢ LÃI	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	CHI NỢ TRẢ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	SỐ SÁNH QUYẾT TOÁN/DỰ TOÁN (%)
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ						
					CHI GD-ĐT	CHI KH-CN, ĐMST VÀ CDS		CHI GD-ĐT	CHI KH-CN, ĐMST VÀ CDS					
A	B	I	2=3+6+9+10+11	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=2/1
	<u>TỔNG SỐ (1)</u>													
I	Vùng ...													
1	Địa phương ...													
2	Địa phương ...													
3	Địa phương ...													
4	...													
...	...													
...	Vùng ...													
...	Địa phương ...													
...	...													

Ghi chú:

(1) Số quyết toán bao gồm số chi bổ sung có mục tiêu và dự phòng ngân sách được phân bổ sử dụng vào số quyết toán chi của từng địa phương.

(2) Để phản ánh đúng kết quả thực hiện chi ngân sách của các địa phương; tỷ lệ so sánh quyết toán với dự toán được xác định trên cơ sở dự toán được điều chỉnh, bao gồm dự toán được giao đầu năm cùng với dự toán được bổ sung trong quá trình thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền từ các nguồn cắt các tiền lương, tình gián biên chế, dự phòng NSTW và các nhiệm vụ chi khác (nếu có).

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN QUỸ	DƯ NGUỒN ĐẾN 31/12/... (năm trước) (1)	KẾ HOẠCH NĂM...				THỰC HIỆN NĂM ...				DƯ NGUỒN ĐẾN 31/12/... (1)
			TỔNG NGUỒN VỐN PHÁT SINH TRONG NĂM (2)		TỔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG NĂM (3)	CHÊNH LỆCH NGUỒN TRONG NĂM	TỔNG NGUỒN VỐN PHÁT SINH TRONG NĂM (2)		TỔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG NĂM (3)	CHÊNH LỆCH NGUỒN TRONG NĂM	
			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ: HỖ TRỢ TỪ NSTW (nếu có)			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ: HỖ TRỢ TỪ NSTW (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ ...										
2	Quỹ ...										
3	Quỹ ...										
4	...										
....											
	Tổng số										

Ghi chú:

(1) Đối với các quỹ Bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) là số dư Quỹ.

(2) - Đối với các quỹ Bảo hiểm: phạm vi bao gồm thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ quy định, thu từ hoạt động đầu tư quỹ và tiền lãi phát sinh trên các tài khoản phản ánh thu, chi theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính.

- Đối với các Quỹ khác: phạm vi bao gồm vốn thu hồi nợ vay, ngân sách nhà nước cấp, vốn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, thu tài chính Quỹ.

(3) - Đối với các quỹ Bảo hiểm: phạm vi bao gồm chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; chi tổ chức hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

- Đối với các Quỹ khác: phạm vi bao gồm giải ngân cho vay; sử dụng vốn thực hiện các nhiệm vụ (hỗ trợ lãi suất, tài trợ không hoàn lại và các nhiệm vụ khác), chi tài chính Quỹ, bao gồm cả chênh lệch thu lớn hơn chi Quỹ và sử dụng vốn khác (nếu có).

THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA
SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH) NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	THỜI GIAN KHỞI CÔNG - HOÀN THÀNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 31/12/...	LŨY KẾ KẾ HOẠCH ĐÃ BỐ TRÍ ĐẾN 31/12/...	KẾ HOẠCH VỐN NĂM ...	VỐN ĐÃ THANH TOÁN THEO KẾ HOẠCH NĂM ...			SO SÁNH THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH (%)
							TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NƯỚC NGOÀI	
A	B	1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/5
1	Dự án ...									
2	Dự án ...									
	...									



QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
VÀ TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG; CÁC ĐỊA PHƯƠNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			GÓM													SỐ SẴNH QUYẾT TOÁN/DỰ TOÁN (%)	
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		1. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ...						... CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ...								
			ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TRONG ĐÓ						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							
								ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			THƯỜNG XUYÊN				ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			THƯỜNG XUYÊN				
								TỔNG	TRONG NƯỚC	NƯỚC NGOÀI	TỔNG	TRONG NƯỚC	NƯỚC NGOÀI		TỔNG	TRONG NƯỚC	NƯỚC NGOÀI	TỔNG	TRONG NƯỚC	NƯỚC NGOÀI		
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5=8+15+...	6=11+18+...	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+18	15=16+17	16	17	18=19+20	19	20	21=4/1
	TỔNG SỐ																					
I	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương																					
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...																					
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...																					
	...																					
II	Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương																					
1	Địa phương ...																					
2	Địa phương ...																					
	...																					



TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM ...
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM ...	THỰC HIỆN NĂM ...	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<u>TỔNG SỐ</u>			
1	Các đơn vị do Trung ương quản lý			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			
2	Các đơn vị do địa phương quản lý			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Sự nghiệp y tế			

v

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NỘI DUNG KINH
TẾ NĂM ...**

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	NSNN
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	
II	Chi trả nợ lãi	
III	Chi viện trợ	
IV	Chi thường xuyên	
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Lương và phụ cấp	
1.2	Các khoản đóng góp theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn,...)	

W